

Số/No : 103 /2025-CBTT

Tp HCM, Ngày 11 tháng 03 năm 2025  
Ho Chi Minh City, 11 Mar 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên CTQLQ/Name of Fund Management Company: **CTY CP QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM/Dragon Capital  
VietFund Management JSC**

- Tên Quỹ ETF niêm yết/ Fund name: **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/DCVFMVN  
DIAMOND ETF**

- Mã chứng khoán/Stock code: **FUEVFN**

- Địa chỉ trụ sở chính/Address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế,  
Quận 1, TP. HCM

*Address: 15<sup>th</sup> Floor, Me Linh Point Tower, 2 Ngo Duc Ke, District 1, Ho Chi  
Minh City, Vietnam*

- Điện thoại/Tel: 08-3825 1488

Fax: 08-3825 1477

- Email: [cskh@dragoncapital.com](mailto:cskh@dragoncapital.com)

website: <http://dragoncapital.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

**Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ năm 2024**

*Annual report on management operation of Fund Management Company for 2024*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công  
ty quản lý quỹ vào ngày 11/03/2025 tại đường dẫn

<https://dragoncapital.com.vn>.

*This information was disclosed on the Fund's/Company's website on 11 March  
2025 at <https://dragoncapital.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby, certify that the information provided is true and we bear the full  
responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents**

**Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ năm 2024**

*Annual report on management operation of Fund Management Company for 2024*

**ĐẠI DIỆN CTCP QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**  
*Representative of Dragon Capital VietFund Management JSC*

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*Person authorized to disclose information*



**LÊ HOÀNG ANH**

**Quản Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**  
*Acting Director, Investment Service*

PHỤ LỤC XXV/ APPENDIX XXV

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN  
SAMPLE OF BIENNIAL/ANNUAL REPORT ON MANAGEMENT OPERATIONS OF FUND/SECURITIES  
INVESTMENT COMPANY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Enclosed with the Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU  
TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

*Dragon Capital VietFund Management*  
JSC

-----

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

-----

Tp HCM, ngày 11 tháng 03 năm 2025

HCMC, 11<sup>th</sup> March 2025

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

*Annual Report on management operation of Fund Management Company*

*Năm /Year 2024*

Kính gửi/To : - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước / The State Securities Commission of  
Vietnam (SSC)

- Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM / Ho Chi Minh City Stock Exchange

**1. Thông tin về quỹ/ Information about the fund**

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ/ Name and type of Fund : **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ Investment objectives of the fund :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.  
The primary objective of the Fund is to replicate the performance of VN DIAMOND Index.

*DCVFMVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, DCVFMVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for*





*obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.*

Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có)/ *Operating period of the fund (if any)* : được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động/ *The Fund has been operating since The State Securities Commission of Vietnam issued the Establishment registration certificate and the Fund has an indefinite life.*

c) Danh mục tham chiếu (nếu có)/ *Benchmark portfolio (if any)* : Danh mục chỉ số **VN DIAMOND/ VN VNDIAMOND Index portfolio** :

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong VN Diamond tại ngày 31/12/2024 như sau :

*Securities ticker and weighting in VN DIAMOND as of 31/12/2024:*

Số thứ tự/ No	Mã cổ phiếu/ Securities ticker	Tỷ trọng (%)/ Weighting
1	FPT	16.3
2	MWG	12.6
3	PNJ	10.0
4	GMD	8.6
5	TCB	8.2
6	ACB	7.6
7	MBB	5.3
8	VPB	4.6
9	REE	4.5
10	HDB	4.9
11	NLG	3.7
12	KDH	3.6
13	VIB	2.1
14	MSB	2.0
15	CTG	1.7
16	TPB	1.6
17	BMP	1.3
18	OCB	0.8
19	VRE	0.7

d) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policies* :

-Theo quy định của Điều lệ Quỹ hiện tại, Quỹ ETF DCFMVN DIAMOND không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư.

*According to the current Fund's Charter, DCFMVN DIAMOND ETF shall not distribute its profits to minimize costs incurred for investors.*

-Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản của Quỹ.

*The operating profit of the Fund shall be accumulated to increase the net asset value of the Fund.*

e) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành / *The number of outstanding Fund units:*

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2023

*Number of outstanding Fund units as at 01 Jan 2024*

665,100,000

ccq

Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ <i>Number of Fund units issued within the year</i>	81,600,000	ccq
Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ <i>Number of Fund units redeemed within the year</i>	(370,200,000)	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2024 <i>Number of outstanding Fund units as at 31 Dec 2024</i>	376,500,000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo / *Changes in the Fund's charter*: được đề cập trong Điều lệ được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 triệu tập Lần 2 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND ngày 09/05/2024. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn [Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND-Điều lệ Quỹ sửa đổi bổ sung tháng 05/2024 \(dragoncapital.com.vn\)](http://dragoncapital.com.vn). The change was mentioned in the attached Fund Charter approved by the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2023 - the second call of the DCVFMVN DIAMOND ETF (Stock code: FUEVFNVD) on May 9, 2024. Detailed content was published on the website of the fund/fund management company at the link [Documents & Reports | Personal Investors | Dragon Capital](#)

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo/ *Contents of the resolution of the General Meeting of Investors*: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 triệu tập Lần 2 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND ngày 09/05/2024 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2023, kế hoạch hoạt động của quỹ năm 2024, báo cáo tài chính đã kiểm toán của quỹ năm 2023, ngân sách ban đại diện quỹ 2024, ủy quyền ban đại diện quỹ lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật... Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn [Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND- Biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên Năm tài chính 2023- Triệu tập lần 2. \(dragoncapital.com.vn\)/](http://dragoncapital.com.vn) The Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2023 - the second call of the DCVFMVN DIAMOND ETF (Stock code: FUEVFNVD) on May 9, 2024, approving the operating results in 2023 of the Fund, the operating plan for 2024, the budget of the fund's representative board in 2024, authorizing the fund's representative board to select an auditing company for the fund in 2024, amended charter of fund... Detailed content is published on the website of the fund/fund management company at the link [Documents & Reports | Personal Investors | Dragon Capital](#).

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ *Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds*. : Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

*The fund management company has complied with the provisions of Article 79 of Circular No. 98/2020/TT-BTC, which provides guidance on the operation and management of securities investment funds.*



## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ *Reporting on operations of the Fund*

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất / *Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at December 31<sup>st</sup> of the latest 3 years*

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán); *The investment portfolio of the Fund, sorted by business sectors/ fields and product types (stocks, bonds, etc.) (details about the entire portfolio by ticker symbol are not required);*

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau/ *the investment portfolio sorted by asset classes :*

Cơ cấu tài sản quỹ/ <i>Fund's assets structure</i>	31-12-2024	31-12-2023	31-12-2022
Danh mục chứng khoán/ <i>Securities</i>	99.57%	99.79%	98.70%
Tài sản khác/ <i>Other assets</i>	0.43%	0.21%	1.30%
<b>Cộng/ <i>Total</i></b>	<b>100.00%</b>	<b>100.00%</b>	<b>100.00%</b>

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau/ *the investment portfolio sorted by sectors :*

Ngành	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Ngân Hàng/ <i>Banks</i>	38.3%	40.7%	40.8%
Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm/ <i>Software &amp; Services</i>	16.2%	15.4%	15.8%
Bán Lẻ/ <i>Retail</i>	22.9%	23.4%	28.4%
Bất Động Sản/ <i>Real Estate</i>	7.6%	6.1%	2.5%
Tập Đoàn Đa Ngành/ <i>Conglomerate</i>	4.6%	5.0%	8.1%
Vận Tải/ <i>Transportation</i>	8.9%	9.3%	3.6%
Vật Liệu/ <i>Materials</i>	1.0%	0.0%	0.2%
Tiền mặt & Khác/ <i>Cash &amp; Others</i>	0.4%	0.0%	0.5%
<b>Tổng/ <i>Total</i></b>	<b>100.0%</b>	<b>100.0%</b>	<b>100.0%</b>

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND). Net asset value of the Fund (VND)	12,665,923,659,404	17,261,394,813,137	18,083,580,873,093

Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ). Total fund units in circulation (fund unit)	376,500,000	665,100,000	809,700,000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND). Net asset value per fund unit (VND/fund unit)	33,641.23	25,953.08	22,333.68
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). The highest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit)	33,928.67	27,830.51	31,109.56
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). The lowest net asset value per fund unit during the reporting period (VND/fund unit)	25,952.34	21,759.12	18,802.29
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND). Day-end closing price of a fund unit at the reporting date (VND/fund unit)	33,520	26,440	22,400
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). The highest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit).	34,250	27,830	32,250
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND). The lowest day-end closing price of a fund unit during the reporting period (VND/fund unit)	26,030	21,700	19,100
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ. Total growth rate (%) per fund unit	29.62	16.21	(20.68)
Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) Capital growth rate (%) per fund unit	(6.11)	10.61	(24.54)

(Change due to price fluctuation)			
Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) Income growth rate (%) per fund unit (Based on realised profits)	35.74	5.60	3.85
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) Gross distribution per fund unit (VND)	Không có None	Không có None	Không có None
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) Net distribution per fund unit (VND)	Không có None	Không có None	Không có None
Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution). Ex-date of distribution	Không có None	Không có None	Không có None
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) Operating expenses/Average NAV during the period (%)	1.04	1.04	1.09
Tốc độ vòng quay danh mục (%) Turnover of investment portfolio (%)	66.03	27.55	18.75

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau: *Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*



STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán / <i>Profits from the growth in securities price (capital gains)</i>	487,926,167,223
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) / <i>Profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.)</i>	310,973,243,743
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu/ <i>Profits from disposal of securities</i>	3,351,074,229,177
4	Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i>	170,092,301,807
5	Tổng lợi nhuận / <b><i>Total Profits of the Fund</i></b>	<b>3,979,881,338,336</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có

*Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None*

Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

*Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution, None*

**b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/ Profit indicator of the fund :**

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định :

*Average annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:*

Tính tới ngày lập báo cáo <i>Up to reporting date</i>	Tổng lợi nhuận bình quân (VND) <i>Average annual Profit (VND)</i>
i) 1 năm/ 1 year	3,969,007,345,608
ii) 3 năm/ 3 years	1,079,220,098,343
iii) 5 năm/ 5 years	1,916,012,108,203

**c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ Other comparison criteria which must comply with the following rules:**

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

*Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization: Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.*



- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

*Data and figures are provided by an independent organization : the quotations are provided by three independent brokers approved by BOR annually*

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

*The report must include the recommendation that the previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed*

### **3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company***

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau/ *The report on the management of assets of the fund management company shall include the following contents :*

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) / *Explanations about the replacement of the fund management company (if any): không có /none*
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) / *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund (if the annual report of the fund/securities investment company is submitted :*

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN DIAMOND. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức khoảng 0.8%.

*The objective of the fund is to replicate the performance of VN DIAMOND. During the reporting period, the fund achieved this objective with tracking error of 0.8% compared to benchmark index.*

- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) / *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):*



- d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph) :*



- e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/ *Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:* Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ



sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

*DCVFMVN DIAMOND ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, DCVFMVN DIAMOND ETF shall adjust the Fund's portfolio to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek for obtaining a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the year preceding the reporting year :*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2024 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

*The investment portfolio of the fund at 31/12/2024 remained largely unchanged compared to the previous year's portfolio, with equity weight accounting for over 95%, as the fund is an exchange-traded fund designed to replicate an index. The primary difference between the two periods is the sector weightings within the portfolio.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất / *Analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period :*

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2024 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND là 33,641.23 đồng, tăng khoảng 29.6% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tính tại ngày 31/12/2023, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu giảm tương ứng 27.9%.

*DCVFMVN DIAMOND ETF net asset value per share as of 31/12/2024 was 33,641.23, increased 29.6% compared to net asset value per share as of 31/12/2023, whilst the benchmark index increased 27.9% over the same period.*



h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản : cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)/ *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc.*;

Trong năm 2024 thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng khi chỉ số VN-Index tăng khoảng 12.1% so với cuối năm 2023. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng 18.9%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức tăng 9.9% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức tăng 5.8%.

*In 2024, the Vietnamese stock market experienced growth, with the VN-Index rising by approximately 12.1% compared to the end of 2023. The VN30 Index, which represents Vietnam's largest and most liquid stocks, increased by 18.9%, while the VNMid-cap Index rose by 9.9%, and the VNSmall-cap Index gained 5.8%.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

*Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division): None*

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

*Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced: None*

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có) : không có

*l) Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any): None*

Các thông tin khác (nếu có).

*Other information (if any): None*

#### **4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the supervisory bank :***

Ý kiến của Ngân hàng Giám sát về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ đối với các nội dung sau:

*The Custodian Bank's assessment of compliance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus by the Fund Management Company during the operation and management of the Fund is as follows:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có.

*Explanation regarding any changes in the Custodian Bank (if applicable): None.*

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ/ *Custody of the Fund's Assets:*

Danh mục lưu ký của Quỹ đều được lưu ký tại Ngân hàng giám sát. Trong quá trình giám sát hoạt động của Quỹ, Ngân hàng lưu ký luôn quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng quỹ; tách biệt tài sản của các quỹ, với tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký, ngân hàng



giám sát. Mỗi quỹ được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của công ty quản lý quỹ.

*The Fund's custody portfolio is fully held at the Custodian Bank. During the supervision process, the Custodian Bank has ensured the segregation of assets, including separation of each fund's assets from one another; separation of fund assets from the assets of the custodian bank, the custodian and supervisory bank, and other clients of the custodian bank. Each fund maintains a separate securities custody account, distinct from the custody accounts of individuals, organizations, and even the fund management company itself.*

- c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Compliance with investment restrictions and borrowing limits as per legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ trong năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Trong kỳ, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

*Throughout 2024, the Fund has adhered to all investment limits set forth in the Fund's Charter, the Prospectus, and relevant legal documents. During the period, the Fund did not engage in any borrowing or lending agreements.*

- d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Determination of the Fund's Net Asset Value (NAV) in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus:*

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

*The valuation and assessment of the Fund's assets have been conducted in compliance with the Fund's Charter, the Prospectus, and applicable legal provisions.*

- e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Issuance and redemption of fund certificates in accordance with legal regulations, the Fund's Charter, and the Prospectus*

Trong năm 2024, Quỹ đã thực hiện:

*In 2024, the Fund executed the following transactions:*

- Phát hành thêm chứng chỉ quỹ: phát hành thêm 81.600.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 816.000.000.000 đồng.

*Additional issuance of fund certificates: 81,600,000 fund certificates were issued, with a total issuance value at par of VND 816,000,000,000.*

- Mua lại chứng chỉ quỹ: mua lại 370.200.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 3.702.000.000.000 đồng.

*Redemption of fund certificates: 370,200,000 fund certificates were redeemed, with a total redemption value at par of VND 3,702,000,000,000.*

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/ Profit distribution in alignment with the Fund's investment objectives:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

*During the period, the Fund did not distribute any profits.*

#### 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ Reporting on authorized activities

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

*The fund management company must prepare a report on assessment of quality of services rendered by other entities (authorized parties) such as transfer agent services, fund management services, NAV valuation services, etc. with the following contents:*

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

*Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund:*

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Compared with profits</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared with total operation expense</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared with Incomes</i>
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	0.00%	0.04%	0.00%
Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ <i>Fund Administrative Fee</i>	0.08%	1.82%	0.07%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ :  
Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

*Impacts (if any) of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund: None*


- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

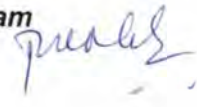
*Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company):*

Stt No	Chỉ tiêu/ Items	Số tiền/Currency
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer Agent Fee</i>	66,000,000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ <i>Total costs for performing authorized activities paid</i>	3,098,557,267



d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

*Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors : Good* 

**Cty CP Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam** 



  
**Lê Hoàng Anh**

**Quyền giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**